

## PHỤ LỤC ĐH18

### Chương trình đào tạo Cử nhân Công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng)

(Quyết định số 782/QĐ-HV ngày 15/06/2023 về việc ban hành Chương trình giáo dục đại học Cử nhân ngành Công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng)- trình độ đại học hệ chất lượng cao)

#### 1. ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

##### a) Quy định chung:

- Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

+) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

+) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

##### b) Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2022:

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở **mục a)** thì thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển tương ứng các ngành của Học viện.

**c) Đối với phương thức xét tuyển kết hợp thi ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:**

- Thí sinh có **Chứng chỉ quốc tế SAT**, trong thời hạn 02 năm (tính đến ngày xét tuyển) **từ 1130/1600** trở lên hoặc **ACT từ 25/36** trở lên; và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;
- Thí sinh có **Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế** trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt **IELTS 5.5** trở lên hoặc **TOEFL iBT 65** trở lên hoặc **TOEFL ITP 513** trở lên; và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;
- Thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.
- Là học sinh chuyên các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW

và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) hoặc hệ chuyên thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia; **Và** có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 đạt từ 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên (Như danh sách các trường THPT chuyên kèm theo).

**d) Đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy thì ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:**

- Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội năm 2022 **từ 80 điểm trở lên;**
- Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2022 **từ 700 điểm trở lên;**
- Thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2022 **từ 20 điểm trở lên.**

## **2. MỤC TIÊU, KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ ĐẠT ĐƯỢC**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng được xây dựng nhằm đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực có kỹ năng nghề nghiệp cao đáp ứng yêu cầu của tổ chức, doanh nghiệp và xã hội ngay khi tốt nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức, kỹ năng, thái độ chuyên nghiệp, làm việc nhóm, thích ứng với môi trường làm việc; có khả năng phân tích yêu cầu, quy trình nghiệp vụ, thiết kế và triển khai phần mềm với các quy mô khác nhau, phù hợp với mục tiêu của tổ chức, doanh nghiệp và xã hội; có khả năng phát huy năng lực tự học, trau dồi kiến thức, làm chủ và bám sát những thay đổi của khoa học công nghệ liên quan đến lĩnh vực Công nghệ phần mềm và Hệ thống thông tin.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp Cử nhân Công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng) hệ chính quy của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)**

#### **2.2.1. Kiến thức**

PO1. Nắm vững các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, hệ thống pháp luật Việt Nam, an ninh quốc phòng.

PO2: Áp dụng các kiến thức toán học, khoa học và kỹ thuật cần thiết cho lĩnh vực Công nghệ thông tin nói chung; chuyên ngành Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin nói riêng vào các miền ứng dụng trong thực tế như kinh doanh, dịch vụ công, giáo dục, ...; trang bị các kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản để phát triển các ứng

dụng phần mềm, hệ thống thông tin, kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn<sup>1</sup>;

PO3: Áp dụng các kiến thức cập nhật về nền tảng công nghệ, bối cảnh và đặc thù của ngành công nghệ thông tin và truyền thông để tối ưu hoá quy trình nghiệp vụ trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện các lĩnh vực<sup>1</sup>;

#### ***Chuyên ngành công nghệ phần mềm***

PO4. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về phân tích, thiết kế, phát triển và triển khai giải pháp trong lĩnh vực công nghệ phần mềm đối với hệ thống web, ứng dụng di động bao gồm máy chủ, cơ sở dữ liệu, giao diện người dùng một cách tối ưu và hiệu quả trong giải quyết các vấn đề thực tế tại doanh nghiệp;

#### ***Chuyên ngành hệ thống thông tin***

PO5. Áp dụng kiến thức chuyên sâu về phân tích, thiết kế, triển khai và vận hành hệ thống thông tin như thu thập, tiền xử lý, lưu trữ dữ liệu, lựa chọn giải pháp quản trị cơ sở dữ liệu, mạng máy tính, dịch vụ điện toán đám mây thích hợp và tối ưu đối với yêu cầu của người dung;

#### **2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp**

PO6: Có kỹ năng lập trình và sử dụng các công cụ phần mềm, cũng như có khả năng tự học các ngôn ngữ lập trình, công nghệ mới để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp trong thực tế;

PO7: Có kỹ năng triển khai quy trình thiết kế, phân đoạn quy trình thiết kế và phương pháp tiếp cận trong xây dựng hệ thống thông tin để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp trong thực tế;

PO8: Có khả năng phân tích, xác định yêu cầu thông tin của tổ chức (doanh nghiệp, cơ quan chính phủ, nhà trường, tổ chức phi lợi nhuận, ...); các kỹ năng xác định, hình thức hóa và giải quyết các bài toán kỹ thuật; có khả năng tổng hợp các kiến thức như phân tích, thiết kế hệ thống, phát triển phần mềm và kiểm thử để triển khai tổng thể các giải pháp về công nghệ thông tin một cách tối ưu và hiệu quả;

PO9: Có khả năng vận dụng được các kỹ năng mềm (Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục về các vấn đề liên quan đến chuyên môn; Kỹ năng làm việc nhóm, biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm; Kỹ năng giải quyết vấn đề, biết lập kế hoạch và tổ chức công việc; Kỹ năng sáng tạo trong phát triển hệ thống, ứng dụng...) để phục vụ hoạt động nghề nghiệp tại các tổ chức trong và ngoài nước;

---

<sup>1</sup> Tuân theo khung năng lực lĩnh vực/chuyên ngành khuyến nghị của ACM/ABET.

PO10: Có kỹ năng tự học, tự trau dồi kiến thức để phù hợp với đặc thù và yêu cầu của ngành công nghệ thông tin và truyền thông; có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để giải quyết các tình huống cơ bản phát sinh trong cuộc sống.

### **2.2.3. Thái độ**

PO11: Có tác phong, đạo đức nghề; Có ý thức kỷ luật tốt, tinh thần trách nhiệm cao, chuyên nghiệp, say mê nghề nghiệp, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc.

### **2.2.4. Trình độ ngoại ngữ và tin học**

PO12: Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, giao tiếp và trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn với các chuyên gia, đồng nghiệp nước ngoài.

PO13: Đạt trình độ tương đương chứng chỉ CCNA (Routing and Switching) hoặc AWS (Cloud Practitioner) mức cơ bản tùy vào từng chuyên ngành.

### **2.2.5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp**

Với những kiến thức nền tảng toàn diện, hiện đại và thực tiễn liên quan đến Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng của Học viện, sau khi tốt nghiệp, sinh viên sẽ có nhiều cơ hội việc làm hấp dẫn tại các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Các vị trí việc làm cụ thể mà sinh viên ngành Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng của Học viện có thể đảm nhận tốt sau khi ra trường là:

- Lập trình viên website (Website Developer)
- Lập trình viên ứng dụng di động (Mobile Developer)
- Chuyên viên kiểm thử phần mềm (Tester)
- Chuyên viên phân tích nghiệp vụ (Business Analyst)
- Lập trình viên cơ sở dữ liệu (Database Developer)
- Quản trị viên mạng máy tính (Network Administrator)
- Cán bộ kỹ thuật, quản lý, điều hành trong lĩnh vực Công nghệ thông tin

Bên cạnh đó, với nền tảng kiến thức lý thuyết và thực tiễn vững chắc, sau khi tốt nghiệp, sinh viên cũng có thể tự tạo lập doanh nghiệp, trở thành cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về công nghệ thông tin tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các Cơ sở đào tạo; Sinh viên cũng có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ Sau đại học ở trong nước và nước ngoài.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH, HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ HỌC TẬP, SINH HOẠT CHO NGƯỜI HỌC**

- Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân.

- Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức.

- Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.

#### 4. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** 121 tín chỉ (*không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Kỹ năng mềm*)

#### NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

##### 4.1 Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số lượng tín chỉ
<b>1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>41</b>
<b>1.1</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>	<b>25</b>
1.1.1	Lý luận chính trị	11
1.1.2	Tiếng Anh	14
<b>1.2</b>	<b>Khối kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội</b>	<b>16</b>
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>68</b>
2.1	Khối kiến thức cơ sở (nhóm ngành và ngành)	44
2.2	Khối kiến thức chuyên ngành	24
<b>3</b>	<b>Thực tập và tốt nghiệp</b>	<b>12</b>
<b>CỘNG:</b>		<b>121</b>

##### 4.2. Nội dung chương trình đào tạo

###### 4.2.1. Khối kiến thức chung

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm/ thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần học tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Bài tập/thảo luận				
1	Triết học Mác-Lênin	BAS1150	3	34	10		1		
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BAS1151	2	24	6				
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BAS1152	2	24	6				
4	Tư tưởng Hồ chí Minh	BAS1122	2	24	6				
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	BAS1153	2	24	6				

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm/ thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần học tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Bài tập/thảo luận				
6	Tiếng Anh Course 1	BAS1157	4						
7	Tiếng Anh Course 2	BAS1158	4						
8	Tiếng Anh Course 3	BAS1159	4						
9	Tiếng Anh Course 3 Plus	BAS1160	2						
	<b>Tổng:</b>		<b>25</b>						
<b>Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng</b>									
1	Giáo dục thể chất 1	BAS1106	2	2		26	2		
2	Giáo dục thể chất 2	BAS1107	2	2		26	2		
3	Giáo dục Quốc phòng	BAS1105	7,5						
<b>Kiến thức phát triển kỹ năng (chọn 3/7)</b>									
1	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1	6	8		1		
2	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1	6	8		1		
3	Kỹ năng tạo lập văn bản	SKD1103	1	6	8		1		
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	SKD1104	1	6	8		1		
5	Kỹ năng giao tiếp	SKD1105	1	6	8		1		
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề	SKD1106	1	6	8		1		
7	Kỹ năng tư duy sáng tạo	SKD1107	1	6	8		1		

(\*): Điều kiện để đăng ký học phần tiếng Anh Course 1 trong chương trình là sinh phải đạt trình độ tiếng Anh từ 225 điểm theo bài thi TOEIC Placement test trở lên; các thí sinh chưa đạt mức điểm trên sẽ phải hoàn thành học phần tiếng Anh bổ trợ Course 0 (mã BAS1156)

#### 4.2.2. Khối kiến thức khoa học tự nhiên và xã hội

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm/ thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần học tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Bài tập/thảo luận				
10	Giải tích 1	BAS1203	3	36	8		1		
11	Giải tích 2	BAS1204	3	36	8		1		
12	Đại số	BAS1201	3	36	8		1		
13	Xác suất thống kê	BAS1226	2	24	6				

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm/ thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần học tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Bài tập/thảo luận				
14	Toán rời rạc	INT1358	3	36	8		1		
15	Pháp luật đại cương	BAS1221	2	24	6				
	<b>Tổng</b>		<b>16</b>						

### 4.2.3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

#### 4.2.3.1. Khối kiến thức cơ sở ngành

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm/ thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần học tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Bài tập/thảo luận				
16	Nhập môn lập trình với Python	RIPT1301	3	26	10	8	1		
17	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	INT1306	3	32	8	4	1		
18	Lập trình với ngôn ngữ Script	RIPT1302	3	30	6	8	1	RIPT1301	PTIT + Doanh nghiệp <sup>2</sup>
19	Lập trình hướng đối tượng	INT1332	3	30	8	6	1	RIPT1301	
20	Cơ sở dữ liệu	INT1313	3	32	8	4	1		
21	Mạng máy tính theo CCNA	RIPT1303	4	20	20	20			PTIT + Doanh nghiệp <sup>2</sup>
22	Quản lý dự án phần mềm	INT1450	2	24	6				Dự án Doanh nghiệp <sup>3</sup>
23	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	INT1303	3	32	10	2	1		
24	Nhập môn công nghệ nền tảng (Platform Technologies)	RIPT1304	3	30	6	8	1		PTIT + Doanh nghiệp <sup>2</sup>
25	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	INT1449	3	30	8	6	1		PTIT + Doanh nghiệp <sup>2</sup>
26	Nhập môn tích hợp hệ thống (System Integration)	RIPT1305	2	20		10			
27	Lập trình Web	RIPT1306	3	30	8	6	1		

<sup>2</sup> Các chuyên gia đến từ doanh nghiệp có kinh nghiệm chuyên môn từ 5 năm trở lên trong lĩnh vực liên quan đến học phần, phối hợp cùng giảng viên của PTIT tham gia giảng dạy tại PTIT.

<sup>3</sup> Các chuyên gia đến từ doanh nghiệp có kinh nghiệm chuyên môn từ 5 năm trở lên trong lĩnh vực liên quan đến học phần phối hợp cùng giảng viên của PTIT tham gia giảng dạy, hướng dẫn qua các dự án thực tế tại PTIT.

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm/ thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần học tiên quyết	Ghi chú
				Lý thuyết	Bài tập/thảo luận				
28	Thực hành lập trình Web	RIPT1307	3	8		36	1	RIPT1306	Dự án Doanh nghiệp <sup>3</sup>
29	Học phần doanh nghiệp 1	RIPT1308	3		6	39		RIPT1307	Doanh nghiệp <sup>4</sup>
30	Học phần doanh nghiệp 2	RIPT1309	3		6	39		INT1449	Doanh nghiệp <sup>4</sup>
	<b>Tổng</b>		<b>44</b>						

#### 4.2.3.2. Khối kiến thức chuyên ngành

##### Chuyên ngành Công nghệ phần mềm

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm/ thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần học trước	Ghi chú
				Lý thuyết	Bài tập/thảo luận				
31	Kiến trúc và thiết kế phần mềm	INT1427	3	36	8		1	INT1450	
32	Thiết kế giao diện người dùng	RIPT1410	3	30	6	8	1		PTIT + Doanh nghiệp <sup>2</sup>
33	Nhập môn công nghệ phần mềm	INT1340	3	36	8		1		
34	Lập trình Web nâng cao	RIPT1411	3	30	6	8	1	RIPT1307	PTIT + Doanh nghiệp <sup>3</sup>
35	Phát triển ứng dụng di động đa nền tảng	RIPT1412	3	26	8	10	1	INT1449	PTIT + Doanh nghiệp <sup>3</sup>
36	Đảm bảo chất lượng phần mềm	INT1416	3	36	8		1		
37	Phân tích nghiệp vụ	RIPT1413	3	30	14		1		PTIT + Doanh nghiệp <sup>2</sup>
<b>Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)</b>									
38	Phát triển phần mềm hướng agent	INT1447	3	36	8		1		
39	Tương tác người máy	INT1460	3	36	8		1		
40	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	INT1448	3	36	8		1		
	<b>Tổng</b>		<b>24</b>						

<sup>4</sup> Sinh viên học tập và thực hành tại môi trường làm việc của doanh nghiệp



## Chuyên ngành Hệ thống thông tin

TT	Tên học phần	Mã số học phần	Số tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm/ Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số học phần học trước	Ghi chú
				Lý thuyết	Bài tập/thảo luận				
31	Quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao	RIPT1414	3	32	2	10	1	INT1313	PTIT + Doanh nghiệp <sup>2</sup>
32	Điện toán đám mây	RIPT1415	3	8	36		1		PTIT + Doanh nghiệp <sup>2</sup>
33	Nhập môn DevOps	RIPT1416	3	32	2	10	1		PTIT + Doanh nghiệp <sup>2</sup>
34	Kho dữ liệu và khai phá dữ liệu	INT1422	3	36		8	1		
35	Các hệ thống phân tán	INT1405	3	36		8	1		
36	Thực hành DevOps	RIPT1417	3		8	36	1	RIPT1416	Dự án Doanh nghiệp <sup>3</sup>
37	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	INT1445	3	36	8		1		
<b>Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)</b>									
38	Hệ trợ giúp quyết định	INT1421	3	36	8		1		
39	Các hệ thống dựa trên tri thức	INT1404	3	36	8		1		
40	Phát triển ứng dụng phân tán	INT1498	3	36	8		1		
<b>Tổng</b>			<b>24</b>						

**4.2.4. Thực tập tốt nghiệp** (mã RIPT1518, 6 TC) và Khóa luận tốt nghiệp (mã RIPT1519, 6 TC): 12 tín chỉ

## 5. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI RA TRƯỜNG

Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học ở trong nước và nước ngoài (*Continue to study to graduate level abroad*).

## 6. VỊ TRÍ LÀM VIỆC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Với những kiến thức nền tảng toàn diện, hiện đại và thực tiễn liên quan đến Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng của Học viện, sau khi tốt nghiệp, sinh viên sẽ có nhiều cơ hội việc làm hấp dẫn tại các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Các vị trí việc làm cụ thể mà sinh viên ngành Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng của Học viện có thể đảm nhận tốt sau khi ra trường là:

- Lập trình viên website (Website Developer)
- Lập trình viên ứng dụng di động (Mobile Developer)

- Chuyên viên kiểm thử phần mềm (Tester)
- Chuyên viên phân tích nghiệp vụ (Business Analyst)
- Lập trình viên cơ sở dữ liệu (Database Developer)
- Quản trị viên mạng máy tính (Network Administrator)
- Cán bộ kỹ thuật, quản lý, điều hành trong lĩnh vực Công nghệ thông tin

Bên cạnh đó, với nền tảng kiến thức lý thuyết và thực tiễn vững chắc, sau khi tốt nghiệp, sinh viên cũng có thể tự tạo lập doanh nghiệp, trở thành cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về công nghệ thông tin tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các Cơ sở đào tạo; Sinh viên cũng có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ Sau đại học ở trong nước và nước ngoài.